

“TAM QUỐC DIỄN NGHĨA” CỦA LA QUÁN TRUNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI THUYẾT “THIÊN MỆNH” CỦA NHO GIÁO

Nguyễn Thị Quế Thanh

Khoa Xã hội- Du lịch

Tóm tắt. Trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*”, La Quán Trung chịu sự chi phối rất mạnh mẽ của tư tưởng “*thiên mệnh*”. Tư tưởng ấy được tác giả vận dụng nhằm minh chứng cho sự suy vong của một dòng họ, cho năng lực tri thiên mệnh của mỗi cá nhân; nhằm thể hiện quan niệm về sự biến đổi lịch sử xã hội cũng như việc lý giải số phận của mỗi nhân vật đồng thời giúp bạn đọc nhận thức được sự vận động mạnh mẽ của hai lực lượng chính trong tác phẩm đó là lực lượng siêu nhiên và xã hội loài người.

1. Mở đầu

“*Tam Quốc diễn nghĩa*” là viên ngọc quý trong kho tàng văn học Trung Quốc. Với thể loại độc đáo – tiểu thuyết sử thi anh hùng, “*Tam Quốc diễn nghĩa*” mang trong mình giá trị của lịch sử, giá trị của hiện thực cũng như giá trị nghệ thuật vô cùng lớn lao. Bằng quan niệm về sự phát triển lịch sử tuần hoàn, tác giả La Quán Trung đã giải thích sự thịnh suy của các triều đại, sự cần thiết phải thống nhất đất nước, sự nổi dậy của các cuộc khởi nghĩa nông dân cũng như sự biến đổi của trật tự hiện hành. Viết về một thời kỳ lịch sử đầy biến động, tác giả đồng thời muốn gửi gắm vào đó những ước mơ, nguyện vọng về một cuộc sống hoà bình của nhân dân Trung Hoa nói riêng, của nhân loại nói chung. Và qua các hình tượng điển hình bất hủ tác giả như muốn kêu gọi chúng sinh hãy biết tôn trọng cái thiện đức, phải biết tu thân và giữ đạo làm người. Đó chính là sức mạnh vô biên để con người có thể hưởng thụ sự bình an.

Tư tưởng Nho giáo là một trong những luồng tư tưởng có sự tác động, chi phối mạnh mẽ trong tiến trình văn học Trung Quốc. La Quán Trung khi sáng tạo “*Tam Quốc diễn nghĩa*” cũng chịu sự chi phối ấy. Đúng như B.L Riffin đã từng khẳng định: “*Nếu như hệ tư tưởng hỗn đồng đóng vai trò chủ đạo của quan niệm báo ứng là tư tưởng chủ yếu của Tam Quốc chí bình thoại thì tư tưởng cơ bản của tiểu thuyết sử thi “Tam Quốc diễn nghĩa” là hệ tư tưởng Nho giáo và một vài yếu tố của Đạo giáo, Phật giáo*”. Trong sự chi phối, ảnh hưởng đó, La Quán Trung đã tỏ ra khá thành công khi vận dụng thuyết “*thiên mệnh*” nhằm lý giải số phận, khả năng thiên định của đời người, lý giải sự biến đổi của quy luật sinh tồn đồng thời giúp bạn đọc nhận thức được sự vận động mạnh mẽ của hai lực lượng chính trong tác phẩm đó là lực lượng siêu nhiên và xã hội loài người.

2. Nội dung

Cơ sở đầu tiên của tư tưởng Nho giáo được hình thành khoảng thời Tây Chu với vai trò đóng góp của Chu Công Đán. Khổng Tử là người có công tập hợp và phát triển

những tư tưởng từ thời Chu Công, san định các tài liệu, hệ thống hoá và truyền bá Nho giáo một cách rộng rãi trong thời đại ông. Học thuyết Nho giáo gắn liền với tên tuổi Khổng Tử. Kể từ khi Khổng Tử san định các Kinh Thi, Thư, Lễ, Dịch và viết cuốn Xuân Thu, khi bảy thiên Mạnh Tử hoàn thành cho đến nay, sự phát triển của Nho giáo đã trải qua trên hai nghìn năm lịch sử, gắn liền với các triều đại phong kiến trong mối tương quan nhân quả. Với mục đích cao nhất của mình là nhằm hướng tới xây dựng một xã hội ổn định với chủ trương nhân trị hoặc đức trị, Nho giáo vì thế không chỉ là học thuyết chính trị để các triều đại phong kiến áp dụng trong chính sách cai trị mà nó còn là học thuyết chính trị mang màu sắc đạo đức bởi đã đề cập một cách tương đối hệ thống, toàn diện và chặt chẽ những chuẩn mực đạo đức. Đây mới chính là lý do thiết yếu khiến Nho giáo có một sức sống, một sự ảnh hưởng sâu rộng đến nhường vậy đối với các nước thuộc khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

Nho giáo vốn tin có trời làm chủ tế cả vũ trụ thì tất là nhận có cả ý chí rất mạnh để khiến sự biến hoá ở trong thế gian cho hợp lẽ điều hoà. Cái ý chí ấy gọi là “*thiên mệnh*” hay “*đế mệnh*”. Nói “*thiên mệnh*” hay “*đế mệnh*” tức là nói ý chí của trời.

Theo Khổng Tử, trời hay thượng đế là một đấng có tình cảm, có tư duy. Ông cho rằng mỗi cá nhân, sự sống – chết, phú quý hay nghèo hèn đều là do “*thiên mệnh*” quy định. Phú quý không thể cầu mà có được do vậy bất tất phải cầu. Trong Luận ngữ bài VI.8 chép rằng ông lại thăm Bá Nguru, một học trò đức hạnh của ông bị một ác tật (có người giảng là do bệnh cùi), ông nắm tay Bá Nguru than thở: “*Vô lý! Do mệnh trời chẳng? Con người như vậy mà bị bệnh đó! Con người như vậy mà bị bệnh đó!. Mất đi là mệnh đấy thôi!*”. Mệnh ở đây là định mệnh, số mệnh, trở một sự tiền định, sức người không thể cưỡng lại được. Mặt khác Khổng Tử lại cho rằng con người bằng nỗ lực chủ quan của mình cũng có thể thay đổi được cái “*thiên tính*” ban đầu. Khổng Tử tin có trời như thế và có “*thiên mệnh*” nên ông cho rằng “*bất tri mệnh vô dĩ vi quân tử*” (Luận ngữ – Nghiêu viết XX). Cái đạo mà thi hành ra được cũng là mệnh trời mà không thi hành ra được cũng là mệnh trời (“*đạo chi tương hành dã dư? mệnh dã; đạo chi tương phế dã dĩ mệnh dã*”) (Luận ngữ – hiến vấn XVI). Người quân tử cứ an mà làm điều lành, điều phải, dầu thế nào cũng đã có cái mệnh của trời. Tri mệnh tức là biết vui theo mệnh trời mà sinh hoạt, mà hành vi cho phải đạo chứ không lập ý riêng. Nhưng tri mệnh là việc rất khó. Theo thiên mệnh thì phải có cái khí cường kiện mới theo nổi, không thì thành ra thất bại ngay.

Trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*”, La Quán Trung chịu sự chi phối rất mạnh mẽ của tư tưởng “*thiên mệnh*”. Tư tưởng ấy được tác giả vận dụng nhằm minh chứng cho sự suy vong của một dòng họ, cho năng lực tri thiên mệnh của mỗi cá nhân; nhằm thể

hiện quan niệm về sự biến đổi lịch sử xã hội cũng như việc lý giải số phận của mỗi nhân vật.

Quan niệm “thiên mệnh” chi phối tác phẩm trước hết được biểu hiện khi tác giả đề cập đến số phận của mỗi con người.

Sách luận ngữ đã nói: *“sống chết là do mệnh trời, giàu sang là do ý trời”*. Trong *“Tam Quốc diễn nghĩa”* hầu như số phận của mỗi nhân vật quan trọng đều có sự can thiệp của *“thiên mệnh”* trong sự ra đời, sự tồn tại và kể cả cái chết. Tuy nhiên đối với hơn 400 nhân vật, 400 vận mệnh trong Tam Quốc ta thấy rằng họ quan niệm và hành động không giống nhau theo mệnh số. Một số nhân vật cho rằng vận mệnh con người do trời quyết định, con người chỉ hoà theo dòng định mệnh. Ví như lời khuyên của Đạo sĩ Thôi Châu Bình đối với Lưu Bị hoặc là lời của Tôn Sách khi nói với mẹ mình rằng: *“mệnh con tại trời”* là một ví dụ. Cũng có người cho rằng vận mệnh con người là do chính mình quyết định. Tiêu biểu cho quan niệm này phải kể đến Tào Tháo. Đọc *“Tam Quốc diễn nghĩa”* chúng ta thấy rằng suốt cuộc đời của nhân vật này là sự vật lộn bằng trí tuệ và tài năng của mình. Cũng có người cho rằng có trời và cũng có người (*“thiên nhân tương dữ”*). Con người làm hết sức mình nhưng kết quả là do trời quyết định (*“mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”*). Con người biết rằng đại cuộc do trời mà tiểu cuộc do người. Cái chính là con người phải biết tự vận động, không chờ số mệnh, phải biết vui theo mệnh trời mà sinh hoạt, mà hành vi cho phải đạo. Câu trả lời của Lưu Bị đối với Thủy Kính là một minh chứng tiêu biểu thể hiện quan niệm đó. Lưu Bị rằng: *“tiên sinh dạy thế thật là cao kiến, nhưng tôi là dòng dõi nhà Hán, phải ra tay gây dựng lại cơ nghiệp đâu dám đổ cho số với mệnh”*. Tuy nhiên trong *“Tam Quốc diễn nghĩa”* nhân vật được xem là tiêu biểu cho quan niệm *“thiên nhân tương dữ”* đó là Khổng Minh. Hơn ai hết, Khổng Minh là người thông thiên văn, tường địa lý, là người ý thức được số mệnh, sức mạnh của thiên định một cách rõ ràng nhất so với các nhân vật trong tác phẩm nhưng ông vẫn vận động một cách mạnh mẽ, không chờ số mệnh. Lần xuất quân thứ sáu ra Kỳ Sơn ông đã cảm thấy rằng đây là chuyến đi cuối cùng nhưng ông vẫn quyết định xuất quân. Thật xúc động khi La Quán Trung đã để cho Gia Cát Lượng khóc và khấn trước miếu Chiêu Liệt, nói trước cái chết của mình, thề nguyện *“cúi đầu hết sức đến chết mới thôi”*. Không chỉ thế, La Quán Trung đã để cho nhân vật của mình làm lễ dương sao giải hạn, xin thêm 12 năm sống nữa. Người đọc theo dõi ngọn chủ đăng một cách hồi hộp và hy vọng ở sự độ lượng của trời. Song đã đến phút cuối rồi mà Ngụy Diên lại làm tắt ngọn chủ đăng trên đàn tế. Hiểu được mệnh trời, Khổng Minh đã không hề trách cứ Ngụy Diên mà chỉ đau đớn thốt ra rằng: *“đó là số ta đến ngày hết, không phải lỗi tại Văn Trường”*.

Bên cạnh sự chi phối của tư tưởng “*thiên mệnh*” trong quan niệm, trong hành động của mỗi nhân vật, tác giả còn thể hiện tư tưởng ấy trong việc quy định, báo hiệu sự ra đời, số mệnh và cái chết của mỗi nhân vật.

Khi Tào Phi ra đời có một đám mây xanh tía tròn như cái lọng, phủ trên mái nhà một ngày không tan. Hoặ như mùa xuân năm Kiến An thứ 12, Cam phu nhân sinh được Lưu Thiện. Đêm hôm ấy có một con hạc trắng bay đến đậu trên nóc nhà kêu to hơn 40 tiếng rồi bay về phía Tây. Lúc trở dạ mùi thơm toả khắp phòng. Cam phu nhân trước khi có mang thường nằm chiêm bao thấy ngựa mặt nuốt sao Bắc Đẩu nên đặt tên là A Đẩu. Nhà phê bình Kim Thánh Thán cho là điềm ứng vào ngày sau Lưu Thiện làm vua Tây Xuyên hơn 40 năm. Và mệnh trời không chỉ chi phối trong việc thể hiện sự chào đời của A Đẩu, mệnh trời còn đã từng cứu A Đẩu và Triệu Vân một cách kỳ diệu khi con ngựa cùng Triệu Vân và A Đẩu bị rơi xuống hố. Khi bị Sái Mạo đuổi theo, Lưu Bị phải chạy cố sức trên con đường duy nhất lại gặp suối Đàn Khê “*rộng độ vài trượng*”, đằng sau quân đuổi theo sắp đến, Lưu Bị nghĩ rằng phen này chắc chết. Thế nhưng “*con ngựa bỗng rún mình nhảy vọt cao ba trượng sang bờ phía Tây*”. Từ lúc nhảy qua suối, Huyền Đức bàng hoàng như người ngây dại tự nhủ. Suối rộng thế mà nhảy qua được há phải lòng trời?

Đọc “*Tam Quốc diễn nghĩa*” chúng ta cũng thường thấy sự xuất hiện của nhiều dấu hiệu trước cái chết của các nhân vật. Trước cái chết của Trương Phi, Quan Vũ, Lưu Bị, Tào Tháo, Khổng Minh... đều có sự xuất hiện của các điềm trời báo hiệu. Tương tự như thế, tác giả cũng đã từng “*mượn*” điềm báo để báo hiệu sự “*ra đi*” của Bàng Thống. Bàng Thống là một vị quân sư của Huyền Đức, am thông thao lược, học thức siêu quần. Trước lần xuất quân đi lấy Tây Xuyên của Bàng Thống đã có rất nhiều điềm báo. Thứ nhất điềm báo được thể hiện qua lá thư của Khổng Minh gửi Lưu Bị. Thứ hai điềm báo được thể hiện qua giấc mơ thấy một vị thần cầm gậy sắt đánh vào cánh tay phải, tỉnh dậy vẫn thấy còn đau của Lưu Bị. Thứ ba điềm báo được thể hiện qua chính con ngựa mà Bàng Thống cưỡi. Tất cả những điềm báo ấy phải chăng biểu hiện sự phản đối của trời trong lần xuất quân này của Bàng Thống. Ấy vậy mà Bàng Thống lại cố cưỡng lại và kết quả là cái chết của chính mình. Ấu cũng là số mệnh vậy... Tất cả tạo nên tính ly kì, thần bí, đầy hấp dẫn của tác phẩm.

Đạo Khổng mặc dù vẫn quan niệm có mệnh trời, người quân tử phải biết mệnh trời (bất tri thiên mệnh vô dĩ vi quân tử), mặt khác nó đòi hỏi con người phải có những hành động tích cực ngay trong cuộc sống trần thế, theo yêu cầu thiết thực của thời đại. Cuộc sống đòi hỏi những hành động tích cực và những cách giải quyết nhanh chóng. Song để chiến thắng nhân vật phải hiểu được mệnh lệnh của trời. Nó kêu gọi con người hãy nhập thế và muốn thực hiện được lý tưởng, muốn chiến thắng con người

cần làm cho những hành vi của mình không những phù hợp với dấu hiệu của cõi trời mà còn phải chú ý tới tình hình thực tế nữa. Ngược lại hành vi của nhân vật làm trái mệnh trời, dù đó là hoạt động tích cực vẫn vấp phải sự kháng cự im lặng.

Trong Tam Quốc người ta thường thấy ba yếu tố quy định địa vị và số phận mỗi nhân vật, đó là tình thế xã hội, mệnh trời và ý chí con người. Chỉ cần một trong ba yếu tố này không thuận tức khắc tạo nên xung đột: hoặc là tình thế hiện thực và mệnh trời không thuận theo ý chí cá nhân (thường chỗ này dẫn tới tình thế bi đát), trận xuất quân của Bàng Thống lấy Tây Xuyên là một ví dụ; hoặc là con người bất chấp cả ý muốn của trời (như Tào Tháo luôn thực hiện công việc bằng sáng kiến cá nhân). Đôi khi cuộc xung đột xảy ra dựa trên cả tình hình thực tế, mệnh trời và ý chí cá nhân. Trận chiến ở hang Thượng Phương là một ví dụ. Trong trận chiến này Khổng Minh cầm chắc tính mệnh ba cha con Tư Mã Ý trong kế hoả công. Vậy mà trời cho mưa như trút, tắt hết lửa, địa lôi không nổ, Khổng Minh đành phải thốt ra rằng “*muu việc tại người, thành việc tại trời*”. Trong trường hợp này cũng có thể kể đến tình tiết Đông Thừa mưu giết Tào Tháo. Tình tiết này được Mao Tôn Cương bình rằng việc Thừa làm cần phải kín đáo, có sao vẽ chuyện uống rượu ăn thề và viết tên vào nghĩa trượng. Tuy nhiên mưu việc ở người, thành việc ở trời, trời đã không giúp nhà Hán thì cũng không trách Đông Thừa nữa. Trong trường hợp các nhân vật nổi lên chống trời thì họ không bao giờ chiến thắng. Tất cả nhiệt tình của những tình huống này ở chỗ thất bại là tất yếu và tình thế mà nhân vật nhận thức được là bi đát. Cảnh xuất quân cuối cùng của Gia Cát Lượng là như thế. Biểu hiện đầu tiên việc chống lại trời của Gia Cát Lượng là không nghe lời can ngăn của Tiêu Chu khi nói với Hậu chủ rằng: “*Gần đây, có một đàn chim vài vạn con từ phương Nam bay lại đâm nhào cả xuống sông Hán Thủy mà chết, đó là một điềm không hay. Tôi lại xem thiên tượng, thấy sao Khuê đứng vào phạm Thái Bạch, khí phương Bắc đang vượng lắm, không nên đánh Ngụy. Nhân dân ở thành đô nhiều người còn nghe trong cây Bách có tiếng khóc đêm. Những việc tai quái như thế xảy ra, xin thừa tướng giữ gìn không nên kinh động*”. Thứ nữa là qua lời tâu của Tư Mã Ý với Ngụy chủ: “*Tôi xem thiên văn thấy vượng khí ở Trung Nguyên đang thịnh. Sao Khuê phạm vào ngôi Thái Bạch không lợi cho Tây Xuyên. Nay Gia Cát Lượng tự cậy tài trí, muốn trái lòng trời chẳng qua tự cầu lấy sự bại vong mà thôi*”. Ở đây không những Gia Cát Lượng mà ngay cả kẻ thù của ông ta cũng biết rằng ông ta sẽ chết.

Nhân vật Tào Tháo cũng vậy. Trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*” Tào Tháo được xem là nhân vật có sự đấu tranh không mệt mỏi với số phận. Theo quan điểm của La Quán Trung thì Tào Tháo không có quyền làm vua. Sau khi đã thừa nhận ý muốn của trời là động lực chính của lịch sử, tác giả chỉ thừa nhận những người làm vua theo thừa kế là người duy nhất hợp pháp (nhân vật Lưu Bị). Dù rằng Tào Tháo (có sức mạnh của

ý chí, sự khôn ngoan, hiểu và đánh giá được tình hình chính trị) đã trở thành người sáng lập một triều đại nhưng dấu sao Tào Tháo cũng chết trong cảnh quần quai và chết tương đối sớm. Kể cả những năm tháng sống trên trần đời, ông cũng phải chịu nhiều đau khổ, nhiều trở ngại. Phải chăng đó là sự trừng phạt của trời. Ngay hình ảnh tác giả mô tả khi Tào Phi đuổi vị vua hợp pháp là Hiến Đế thì binh sĩ và thường dân đều tiễn nhà vua với vẻ thương tiếc, còn trời thì lại nổi cơn thịnh nộ cũng đủ cho chúng ta nhận ra điều đó. Cũng tương tự như thế khi Tào Phi lên ngôi vị hoàng đế, trăm quan mời Tào Phi lạy tạ trời đất, “*Phi sắp xuống lạy bồng dung ở trước đền nổi một cơn gió lạ lùng, cát sỏi bay vù vù, tối tăm mù mịt, giáp mặt không trông thấy nhau*”. Đối lập với điều này là sự xuất hiện của hàng loạt những điềm lạ thể hiện sự “*ủng hộ*” của mệnh trời trước khi Lưu Bị lên ngôi như: “*gần đây có điềm gió lành mây đẹp, góc Tây Bắc thành đô lại có vàng khí vàng dài 10 trượng bốc lên đến tận trời, sao Đế tinh hiện ở trong phạm sao Tắt, Vị, Mão sáng quắc như mặt trăng, đó toàn là điềm Hán trung vương lên ngôi hoàng đế nối dòng dõi nhà Hán*”.

Quan niệm “thiên mệnh” còn được biểu hiện khi tác giả nhìn nhận về sự biến đổi của lịch sử – xã hội.

“*Tam Quốc diễn nghĩa*” nhìn lịch sử xã hội trong cái thế “*phân lâu lại hợp, hợp lâu lại phân*”. Tác giả đã đề cho Thôi Châu Bình – một vị ẩn sĩ phân tích về lẽ hợp phân, nói đến “*thiên mệnh*” lẽ huyền vi của tạo hoá, sức mạnh của siêu nhiên rất rõ. “*Thuận trời thì an nhàn, trái trời thì vất vả, số đã định, lý không chống lại được, mệnh đã định người không chống lại được*”. Có thể nói mọi biến cố của thế giới trần gian, sự hưng vong của các triều đại, các cuộc chiến tranh, thắng, bại, chết chóc, vinh nhục, sướng khổ... đều là biểu hiện ý muốn của trời, đều do một bàn tay vô hình sắp đặt cả. “*Mệnh trời*” đã được thể hiện bằng điềm báo, chỉ những người thông thiên văn, tường địa lý, những người sáng suốt mới hiểu và giải được các điềm ấy.

“Ý chí của trời” cũng là một trong những dấu hiệu quan trọng báo hiệu sự thành bại trong một số trận đánh.

“*Tam Quốc diễn nghĩa*” bao quát một không gian rộng lớn với hàng trăm trận đánh xảy ra hầu khắp các châu quận trên đại lục Trung Hoa. Trận đánh nào cũng căng thẳng hấp dẫn bởi tài năng thao lược của các tướng lĩnh thời Tam Quốc. Cái ý chí ấy được La Quán Trung thể hiện thông qua hàng loạt những chi tiết, những điềm báo. Có những điềm báo giúp các tướng lĩnh tăng thêm sức mạnh để chiến đấu, có những điềm báo giúp các tướng lĩnh chủ động phòng bị, có những điềm báo ngăn cản việc xuất quân (trong trường hợp này nếu con người cố tình chống đối thì sớm muộn gì cũng chuốc lấy sự thất bại đáng tiếc), lại có những điềm báo mở đường chỉ lối cho họ hành động.

Trong trận đối chiến với Tào Tháo ở Phàn Thành, Đan Phúc đang ngồi bàn bạc với Huyền Đức bỗng có cơn gió giật ùng ùng nổi lên. Phúc nói rằng đêm nay Tào Nhân chắc đến cướp trại. Quả thực đúng vậy. Phải chăng ở tình huống này “*mệnh trời*” đã giúp Lưu Huyền Đức chủ động hơn khi đối phó với quân Tào, phải chăng mệnh trời đã giúp Lưu Huyền Đức đánh úp được Phàn Thành, không hẳn như thế bởi chiến thắng ở Phàn Thành là kết quả của trí tuệ và sức lực của Lưu Huyền Đức, Đan Phúc và các binh sĩ song nó cũng là một trong những yếu tố giúp quân Thục – Hán thành công.

Trận chiến ở cửa Tam Giang giữa quân Tào và quân Chu Du mệnh trời lại xuất hiện. Chu Du đang đứng trên núi nhìn thấy chiến thuyền của quân Tào nhiều hơn lá tre, Tào Tháo lại nhiều mưu kế đang lo ngại, bỗng thấy lá cờ vàng giữa trại Tào bị cơn gió to thổi gãy gục bay ra giữa sông, Du đã cười lớn nói rằng: “*đó là điềm không hay rồi*”. Lần này sự xuất hiện của “*ý trời*” không trực tiếp can thiệp vào việc báo hiệu để Lưu Huyền Đức phòng bị chủ động, đành chiến thắng như trận đấu trên sông trước hết nó có tác dụng củng cố thêm sức mạnh cho Chu Du. Đành rằng ngay sau đó sự xuất hiện của ngọn gió thổi gãy cờ bay tạt vào mặt Chu Du lại làm cho Chu Du thắng thốt nhưng ý trời từ đầu có lẽ đã báo hiệu sự thắng – bại về phía ai. Hành động lập đàn dùng phép mượn gió Đông Nam của Khổng Minh thành công một phần là tài trí của ông nhưng một phần cũng là ý nguyện của trời vậy – cửa Tam Giang Chu Du phóng hoả thành công.

Sau mỗi trận chiến, thắng – thua là lẽ thường tình. Tuy nhiên dù là chiến thắng hay chiến bại thiết nghĩ lòng tướng cần phải xét suy để rút kinh nghiệm, để khuyến khích hoặc là để khắc phục. Mất Ô Sào đối với Viên Thiệu là một bài học đáng nhớ cho những dũng tướng thời loạn khi thiếu cơ mưu, thiếu năng lực “*tri mệnh*”. Vì những “*lời thách ngang tai lại hoá thù*” Thụ Thụ bị Viên Thiệu tống giam, đêm thấy sao sáng liền bảo cai ngục đưa mình ra sân ngắm xem thiên văn, chợt thấy sao Thái Bạch đi ngược đến vùng sao Liễu sao Quy, khi ánh sáng sáng cả vùng sao Ngưu sao Đẩu, e có việc quân định cướp trại. Ô Sào là chỗ chứa lương, cần phải đề phòng nhưng Viên Thiệu không nghe. Mất Ô Sào là lẽ đương nhiên. Giá như Viên Thiệu biết lắng nghe “*điềm trời*” thì dẫu rằng chiến thắng hay chiến bại cũng làm ấm lòng người và lòng trời hơn.

“*Điềm trời*” biểu hiện của “*thiên mệnh*” trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*” có khi được thể hiện qua việc sử dụng tới đa ngọn gió của vũ trụ để truyền tải thông tin. Ngay đầu câu chuyện “*Tam phân*” đã có nhiều điềm lạ: “*Gió to ầm ầm nổi lên, một con rắn xanh lớn trên sàn nhà rơi xuống quán ngay vào ngai vua. Động đất, nước bể tràn vào, gà mái hoá thành gà trống, mây đen bay vào điện Ôn đức*”. Việc miêu tả cho thấy có sự rung động dữ dội của cả phong và thủy. Đó là sự giận dữ của vũ trụ, của mệnh trời.

Sự giận dữ ấy của vũ trụ còn được thể hiện khi Tào Phi cướp ngôi, phế vua Hiến Đế, khi Tào Phi lên ngôi. Cũng có lúc ngọn gió báo hiệu những điều tốt lành, báo hiệu sự thuận lợi như khi Tào Tháo đem quân đến Tiểu Bái, khi Chu Du chuẩn bị ra quân ở cửa Tam Giang, khi Huyền Đức cùng Khổng Minh đem quân tiếp ứng Vân Trường (đi lấy Trường Sa). Có thể nói ngọn gió vũ trụ luôn có mặt trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*” để mang lại thông tin, truyền đạt mệnh trời. Điều này tạo ra sự thần bí đầy hấp dẫn đối với bạn đọc từ cổ chí kim.

“Mệnh trời” còn được tác giả thể hiện ở những dấu hiệu của thiên văn.

Qua thiên văn với “*phương nam vượng khí chói lợi*” – Tào Tháo hiểu rằng vị tất đã đánh được Giang Nam, với “*các vì sao tụ cả ở Thục quận, trong các ngôi sao có một ngôi to sáng lắm, hình như mặt trăng đó là tượng đế vương*” – Khổng Minh, Tiêu Chu và mọi người hiểu rằng Lưu Bị lên ngôi là hợp lẽ. Thiên văn còn được La Quán Trung sử dụng triệt để để nhằm báo hiệu số phận của các nhân vật. “*ở phía Tây Bắc có một ngôi sao sa xuống*”, thiệt mất người hoàng tộc – công tử Lưu Kỳ tạ thế; ngày tết thất tịch (7/7) bỗng thấy ở mé Chính Tây có một ngôi sao to bằng cái đầu sa xuống, ánh sáng loè ra tứ phía – sự ra đi của vị quân sư đại tài Bàn Thống; Khổng Minh xem thiên văn “*thấy ngôi tương tinh sa ở địa phận Kinh sở*”, Vân Trường bị hại – nỗi đau của muôn người. Ở mé Tây Bắc có một ngôi sao to như cái đầu sa xuống đất – điềm này tất mất một đại tướng – Trương Phi lại vĩnh biệt Lưu Bị cùng mọi người ra đi. Tất cả tạo nên sự ly kì thần bí của mệnh trời.

Trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*” còn một loại thông tin của mệnh trời nữa là các *giác mộng*. Đây được xem là một lối hình tượng hoá thiên mệnh. My Chúc được thần báo mộng có họa lửa cháy nhà nên thoát chết. Cái chết của Mã Đằng ứng với giác mộng của Mã Siêu. Khi ở Tây Lương, Mã Siêu đêm ngủ mơ thấy mình nằm trên vùng đất có tuyết, một đàn hổ đến ăn thịt, giật mình tỉnh dậy hỏi điềm ấy là điềm gì. Bàn Đức nói mộng ấy là điềm dữ lắm. Có lẽ Lão tướng quân ở Hứa Xương có việc gì chẳng? Đức nói chưa dứt lời có người tất tả chạy vào khóc lăn xuống đất nói “*chú và các em bị hại cả rồi*”. Vương Phủ nằm mơ chúa công máu me khắp cả mình – Vân Trường đã bị hại.

3. Kết luận

La Quán Trung với việc vận dụng một cách linh hoạt thuyết “*thiên mệnh*” đã giúp bạn đọc nhận thức được sự vận động mạnh mẽ của hai lực lượng chính trong tác phẩm. Một lực lượng siêu nhiên (đó là mệnh trời với sức mạnh huyền bí) và lực lượng khác là xã hội loài người. Họ cũng vận động mạnh mẽ quyết liệt để tạo dựng cơ nghiệp, để thực hiện ý chí cá nhân theo những tình thế riêng. Phải chăng chính cuộc

đấu tranh giữa các thế lực trời và người, người và người đã gieo vào lòng người đọc một sự mê mẩn, rung động hàng ngàn năm nay. Trong “*Tam Quốc diễn nghĩa*” xuất hiện hàng loạt anh hùng, hào kiệt. Họ đều muốn đem tài trí của mình sửa đổi cục diện phân tranh, thống nhất thiên hạ, xây dựng sự thống trị của đế vương, của dòng họ. Để làm được điều đó La Quán Trung đã xây dựng nên những mẫu người trí tuệ tuyệt vời (Khổng Minh), gian trá xảo quyệt (Tào Tháo) vũ dũng siêu phàm (Quan, Trương..) hay đạo đức nhân từ (Lữ Bị). Ở những con người này hoặc là họ theo mệnh, hoặc là họ chống lại mệnh, hoặc là họ vừa thuận mệnh lại vừa chống lại mệnh để sống cho phải đạo hơn. Nhưng tất cả đều không thể thay đổi được cái thế lớn trong thiên hạ hợp lâu tất phân, phân lâu tất hợp, không thể chống lại quy luật sinh – tử của đời người. Song dù sao đi nữa người đọc cũng có thể cảm nhận được tính nhân văn của tác phẩm trước số phận những con người tài hoa mệnh bạc, trước những hành động “tri mệnh” của một số nhân vật. Tiếp xúc với thuyết thiên mệnh qua lăng kính của La Quán Trung chúng ta cảm nhận được sâu sắc hơn sức mạnh của lòng trời và lòng người.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đăng Duy (1988), *Nho giáo với văn hoá Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
2. Trần Xuân Đê (2000), *Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc*, Nxb Giáo dục.
3. Lâm Ngữ Đường (1970), *Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa*, Nguyễn Hiến Lê lược dịch.
4. Nhiều tác giả (1997), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập 1,2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Khắc Phi, Lương Duy Thứ (1988), *Văn học Trung Quốc*, tập 2, Nxb Giáo dục, TP Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Khắc Phi (2001), *Mối quan hệ giữa văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam qua cái nhìn so sánh*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Khắc Phi (1998), *Lịch sử Văn học Trung Quốc*, Nxb Văn học, Hà Nội.
8. Riftin (2002), *Sử thi lịch sử và truyền thống văn học dân gian Trung Quốc*, Phan Ngọc dịch, Nxb Thuận Hoá
9. Lương Duy Thứ (1990), *Để hiểu 8 bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
10. La Quán Trung (1987), *Tam Quốc diễn nghĩa*, 8 tập, Phan Kế Bính dịch, Nxb Đại học và giáo dục chuyên nghiệp,

Abstract. The Three Kingdoms novel was written and attributed to La Quan Trung who was dominated by the idea of “natural destiny”. This thought was shown in his work through the fall of the Han Dynasty, the capacity of individual’s natural destiny. The article focuses on the viewpoint/concept of the changes of social history as well as the character’s fate. It also helps the readers be aware of the influence between super- natural force and human society.